

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 37

PHẦN 4

VI. NHÀ LƯƠNG (Đóng Đô ở Kiến Khang)

Đời Lương Võ Đế (Tiêu Diển) - Năm Thiên Giám thứ nhất, vua mộng thấy tượng đức Thích-ca bằng chiên-đàn vào nước (do vua Ưu-điền nước Thiên Trúc tạo ra), bèn sai Hác Khiên... đến Tây Trúc tìm về.

Nước Vu Đà Lợi vào triều cống, vua nước ấy mộng thấy có vị Tăng lạ bảo rằng ở Đông độ có Thánh vương ra đời, mười năm sau Phật pháp ở đây rất thịnh vượng. Vua ra luật: Nếu Tăng Ni phạm lỗi thì căn cứ vào Phật luật mà xử phạt. Dữu Tiên Thiếu rất thân với vua. Kịp khi khởi binh vua mời làm Ký thất nhưng ông không đến mà ở trong núi ăn rau dưa, sáu thời lễ sám tụng kinh Pháp Hoa. Đêm sau ông thấy một đạo nhân tự xưng là Nguyên Công gọi Tiên là Thượng Hành Tiên Sinh. Sau đó bỏ ăn bảo rằng: “Nguyên Công lại đến, ta đi đây!” Cả nhà nghe nói: “Thượng Hành Tiên Sinh đã sinh Tịnh độ.” Vua ra chiếu thụ phong là Trinh Tiết Xử Sĩ.

Năm Thiên Giám thứ hai, vua hỏi Chí Công: Nước có nạn chăng? Chí Công chỉ vào yết hầu và cổ mình (tức nói Cảnh Hầu làm loạn). Hỏi: Hưởng nước bao lâu? Ông đáp: Nguyên Gia Nguyên Gia (năm Nguyên Gia của Tống Văn Đế đến ba mươi năm, nay nói hai tiếng Nguyên Gia tức lâu hơn năm Nguyên Gia). Vua trị vì rất nghiêm khắc. Vua nhờ thần lực của Chí mà thấy được Tiên quân chịu khổ dưới địa ngục.

Có lần vua bảo Trương Văn Diêu vẽ hình thật của Chí. Chí lấy tay cào phá mặt mày hiện ra mười hai tướng mặt Quan Âm hoặc hiền từ hoặc dữ dằn, cuối cùng Tăng Diêu không vẽ được. Lúc đó có hai Sư Pháp Vân và Vân Quang, mỗi khi giáng kinh Pháp Hoa thì trời mưa hoa, vua cho là hai vị đã chứng Thánh. Một đêm ở trong điện vua đốt thơ

khẩn mời Chí Công và hai Sư Quang Vân đến thọ trai. Nhưng sáng hôm chỉ có một mình Chí Công đến.

Sa-môn Mạn-đà-la ở nước Phù Nam đến dâng lên vua tượng Phật bằng san hô, vua ban chiếu mời ngài dịch kinh ở Dương đô.

Ngày tám tháng tư, vua ở điện Trùng vân viết bài văn hướng dẫn quần thần sĩ thứ hai vạn người phát tâm Bồ-đề bỏ hẳn Đạo Lão. Lời văn rằng: “Nguyện ở đời vị lai được xuất gia lúc thơ ấu, rộng hồng Kinh Giáo, hóa độ hàm thức đồng thành Phật đạo. Nguyện thà ở trong Chánh Pháp Phật dù ở mãi trong ác đạo, chứ không thích theo Lão Giáo mà tạm được sinh lên trời.” Đến tháng mười một, vua ra lệnh cho Công Khanh bá quan vương hầu tông tộc cùng bỏ đạo Lão, bỏ tà quy chánh.

Năm Thiên Giám thứ ba, vua ngự đến điện Trùng vân giảng kinh, cử Pháp Bư ở chùa Chỉ Viên làm Đô Giảng. Bư hỏi một câu, vua đáp lại. Càng gạn hỏi vua càng thông suốt huyền diệu.

Vua có lần mộng thấy Thần Tăng bảo rằng: “Bốn loài ở trong sáu nẻo chịu khổ vô cùng, sao không làm Thủy Lục Đại Trai khắp độ quần linh.” Vua bèn mở xem kinh tạng viết ra nghi văn, ba năm mới xong. Bèn đến chùa Kim sơn tu cúng. Vua mời Sa-môn Tăng Hựu đọc văn, rộng bày các điều linh nghiệm (việc thấy đủ trong Quang Hiển Chí).

Vua ra lệnh sửa nhà cũ làm chùa Quang Trạch, nhân vì nhà phóng ra ánh sáng bảy ngày, nhân đó mà đặt tên là Quang Trạch và mời Pháp sư Pháp Vân làm chủ chùa Quang Trạch, lập ra Tăng Chế làm phép tắc cho đời sau.

Sa-môn Trí Lãng rất giỏi kinh Niết-bàn, Tịnh Danh, lại thông suốt Lão Trang. Sau gặp giặc phải hoàn tục. Đạo sĩ Mạnh Tất Đạt khuyên Sư làm Hoàng Quan. Sư thấy các kinh của Đạo Gia tóm lược không có tông chỉ bèn dẫn Phật giáo ra nhuận sắc, giải nghĩa các Kinh Tây Thắng, Diệu Chân, đều do Tăng khởi đầu. Khi Lương Võ Đế chưa bỏ Lão Giáo có dẫn Lãng đến điện Ngũ minh lập nghĩa. Đến tuổi già Sư vì các Đạo sĩ giảng kinh Tây Thắng, bỗng mất tiếng líu lưỡi, rồi ở trên tòa cao mà ngất đi rồi chết. Chúng cho là quả báo của việc phản giáo (trong Tăng Cảnh Lục).

Năm Thiên Giám thứ năm, Sa-môn Tăng-già Ba-la ở nước Phù Nam đến.

Năm Thiên Giám thứ sáu, vua chú giải kinh Đại Phẩm Bát-nhã, lại mời Pháp sư Vân ở chùa Quang Trạch giảng thuyết cho bá quan. Năm Thiên Giám thứ mười, tượng Đức Thích-ca bằng chiên-đàn từ Trung Thiên Trúc về đến. Vua dẫn bá quan ra đón vào điện Thái cực.

Rồi lập Trai đàn độ người, ra lệnh đại xá, bỏ sát sinh. Các hình cung đao đều đổi làm hình tháp hoa sen. Lúc trước Hác Khiên, Tạ Văn Hoa... tám mươi người vâng chiếu vua đi Tây Thiên tìm tượng. Đến nước Xá-vệ (Hán gọi đó là một nước Văn vật ở Trung Thiên Trúc) tâu vua xin tượng. Vua nói đây là tượng chính của Trung Thiên không được đem ra nước ngoài. Rồi cho ba mươi hai thợ khéo tạc khắc tượng bằng gỗ tử đàn bằng người thật. Bắt tay từ giờ Mẹo, giờ Ngọ đã xong. Đảnh của tượng phóng ánh sáng, trời mưa sương thơm. Khiên vác tượng trở về Đông độ. Bèn vượt biển cả, có lần nghe tiếng binh khí khua ở sau. Bỗng có vị Tăng lạ đến lễ tượng nói rằng: “Thần vương Tỳ-xá-la hãy hộ tượng đến đó, để rộng làm Phật sự.” Nói xong biến mất. Về sau vua Nguyên Đế tạo chùa Đại minh ở phía Bắc thành Kinh châu để thờ tượng ấy.

Vua ra chiếu mời Pháp sư Tăng Mân vào điện giảng kinh Thắng Man, tất cả công khanh đều tham dự. Lưu Nghiệp hỏi: “Pháp sư học Phật có thừa, tại sao lại nói nhiều về ý chỉ của Nho?” Mân nói: “Xưa Sinh Công vì đốn ngộ thông suốt kinh, sau đó Công lấy Tỳ-đàm mà luận bày. Như bản đạo trước đây không giới hạn Nho hay Thích, chỉ căn cứ vào văn nghĩa mà giảng thôi”. Có Sa-môn Đạo Siêu rất mến mộ tài giảng kinh của Tăng Mân, nên thề quyết cho bằng. Nằm mộng thấy Thiên thần bảo rằng: Mân Công đã dự phần thuyết pháp từ thời Phật Tỳ-bà-thi. Ông mới phát tâm đây làm sao bị được bậc ấy.

Hà Dận vào chùa Định Lâm ở Chung sơn nghe nội điển mà thông suốt ý chỉ. Sau ông ở ẩn tại chùa Vân Môn núi Nhược Tà. Có hai anh là Cầu và Điểm cũng theo ở ẩn. Hiệu của Điểm là Đại Sơn, của Dận là Tiểu Sơn, cũng gọi là Hà Thị Tam Cao (ba cao sĩ họ Hà).

Ta Cử chuyên về huyền lý và nghĩa Phật pháp là quần thủ ở Tấn Lăng cùng các Sa-môn nghĩa học thay nhau giảng kinh Luận. Trưng Sĩ, Hà Dận từ Võ Bình cũng đến dự (Đường Cao Tổ lánh nạn ở Hồ Khâu. Vì Tổ tiên tên Hồ nên đổi đi).

Pháp sư Vân ở chùa Quang Trạch giảng kinh Pháp Hoa cảm được hoa trời rơi đầy không gian như tuyết bay. Vua đem việc quá mức hỏi Chí Công. Công nói: Vân có thể làm mưa. Vua nhân đó thỉnh giảng kinh Pháp Hoa, đến chỗ “ân trạch khắp thấm” thì liền có mưa to. Nghi Đồng Viên Ngang, nhà thường cúng dường Tăng, phát nguyện muốn được tuệ giải bằng Sư, thì nằm mộng thấy một vị Tăng bảo rằng: Pháp sư Vân ở thời Phật Đấng Minh đã giảng kinh này, ông làm sao bằng được?

Vua tập họp các Sa-môn viết bài văn lập thế đoạn hẳn việc ăn thịt uống rượu, tóm tắt rằng: “Đệ tử là Tiêu Diễm từ nay trở đi nếu phóng

túng uống rượu ăn thịt chúng sinh, cho đến sữa mật tô lạc, xin tất ả quỷ thần hãy trừng phạt đê tử trước rồi nhốt vào địa ngục. Dù chúng sinh thành Phật hết, đê tử cũng vẫn còn ở ngục A-tỳ. Tăng Ni uống rượu ăn thịt thì cũng đúng như thế mà trừng trị.” Lúc đó lại tập họp một ngàn bốn trăm bốn mươi tám vị Tăng Ni ở tại điện Hoa lâm, thỉnh Pháp sư Vân giảng đoạn văn ăn thịt dứt mất chủng tử đại Từ bi trong Kinh Đại Niết-bàn. Vua đích thân ngồi trên đất cùng chúng đồng nghe.

Năm Thiên Giám mười một, vua mời Pháp sư Bảo Lượng soạn Niết-bàn Kinh Sớ, vua đích thân viết lời tựa.

Năm Thiên Giám mười hai, vua riêng cử Thẩm Ước viết Luận Ăn Ngộ, cho rằng: Quyền lợi danh vọng, yêu kiều đẹp đẽ, ngọt ngào nồng béo... đều khiến tâm thần mê mờ không thể được đạo. Nên Thánh nhân cấm ba việc này.

Năm Thiên Giám mười ba, xưa Chí Công có lần cùng vua lên núi Chung Sơn chỉ Độc Long Cương bảo rằng: Đây là Âm Trạch, đi trước thì được. Năm ấy Sư viên tịch ở tại Phật đường Lâm hoa viên, vua nhớ mãi lời nói ấy. Bèn ban chiếu cho hữu ty sắm đủ vật dụng chôn cất ở đất này, rồi lập tháp Phật năm tầng ở trên. Vua xa giá đến nơi chôn cất kính lễ. Bỗng thấy Đại sĩ bay vút lên khoảng mây. Bèn lập chùa Khai thiện.

Năm Thiên Giám mười lăm, có Sa-môn người Tây Trúc tự vẽ hình mình như người nước Ngô ở chùa Linh nham. Đêm đến tượng đi hành đạo cầu việc thần ứng. Sau đó vị Phạm Tăng bảo rằng: Đó là Bồ-tát Trí Tích. Hoa Dương Chân Nhân là Đào Hoàng Cảnh lập tháp Trắng Bồ-đề ở núi Tam mâu, có lần mộng thấy Phật thọ ký cho tên là Thắng Lực Bồ-tát, bèn đến tháp A-dục Vương ở Mậu huyện, tự nguyện thọ năm Đại giới, khi lâm chung không cần tắm gội chỉ dùng một y đại ca-sa che liệm toàn thân, đê tử ông làm theo (Lương thư).

Năm Thiên Giám mười sáu, vua ra lệnh cho Thái y không được dùng con vật còn sống làm thuốc. Tế trời (Nam Giao) thì các con vật còn sống đều thay bằng bột mì. Cúng giỗ Tông Miếu dâng hiến món ngon đều bắt đầu dùng rau quả.

Bàn rằng: Tế trời đất cúng Tông xã tất phải giết hại mạng sống để đủ các vật, vua chúa từ xưa nay đã theo phép đó. Chỉ vì người trị vì quốc gia không dám luận bàn sửa đổi đó thôi. Phàm chủ về việc biến hóa của trời đất thì xưng là Thượng đế hay Hoàng thiên hậu Thổ chính là bậc chí Thánh chí Thần vậy. Chẳng lẽ Thần Thánh mà ưa thích giết hại sinh mạng, hưởng thụ thức ăn hôi tanh ư? Ấy là do từ thời Thượng

Cổ có tục ăn lông uống máu để nuôi sống mình, nên cũng lấy đó mà bảo là phụng thờ Thần Linh. Đây là cái thấy chất phác hẹp hòi, không biết rằng dùng các loài thú sống hôi tanh khinh nhờn vậy. Dân chúng có tục dùng gạo thóc không thể biến đổi, giáo pháp của Thánh hiền, phép xưa của các bậc thầy trên đời được soạn thành Kinh Lễ, do đó các vua đời sau cứ tuân hành theo, không có ai dám luận bàn rằng việc làm đó không đúng vì để nuôi mình. Nói theo xưa mà không nghĩ rằng việc thờ thần không nên khinh nhờn. Quả nhiên là hễ giết hại mạng sống là bất nhân, dâng cúng đồ hôi tanh là bất nghĩa. Lấy bất nhân bất nghĩa để nuôi mình theo thói tục xưa còn phải giảm bớt để cầu cái tâm hoàn hảo thay. Há lại thờ cúng trời đất Thần Linh Tổ Tông mà đem vật sống hôi tanh để khinh nhờn ư? Từ khi Phật pháp mới truyền sang Đông độ dần dần khuyên tu trai giới mà Thiên đế còn biết thờ Phật, há người thờ trời mà không biết thờ Phật ư? Biết nguyên do thờ Phật, thì không thể dùng vật sống khinh nhờn trời là đáng tin vậy. Chỉ có Võ Đế đời Lương, Hiến Văn đời Ngụy ra lệnh tế cúng trời đất và Thần Linh Tổ Tiên là không dùng vật sống, mà thay bằng rau dưa bột mì rượu quả. Có thể bảo đó là đạo trái xưa mà hợp đạo thờ lúa thóc, dâng nước trong. Đó cũng là phép cúng tế của ba đời. Sao lại phải có vật sống hôi tanh mới là có vật?

Ngài Pháp sư Từ Vân ở Thiên thai khuyên dân có tục cúng tế Thần nên đổi cúng chay. Bài văn có đoạn rằng: Bấy Triều Thiên tử cho đến thứ dân đều cùng cúng tế Thần Kỳ trên dưới khắp đời tròn đầm vuông. Phép thường của nước luôn khuyên bỏ cúng, nếu không tất làm thương tổn quốc phong. Giải thích rằng: Cúng tế là lấy theo lệ tục, đổi cúng trai là dựa vào kinh Phật. Lệ tục thì không tránh khỏi việc giết hại, còn kinh Phật thì chỉ trọng Từ bi. Kẻ giết hại tất bị quả báo ở Tam đồ, còn Từ bi thì tất thành muôn đức. Lấy thiện đổi ác không đẹp sao?

Vua ra lệnh cho phế bỏ Đạo quan trong nước các Đạo sĩ đều phải hoàn tục. Vua mời Sa-môn Tuệ Siêu làm Thọ Quang Điện Học sĩ. Mời chúng Tăng giảng luận pháp tập, chú giải Kinh Văn và cùng ở trong một nơi cấm (Đây là nội đạo tràng đầu tiên).

Năm Thiên Giám thứ mười tám, Sa-môn ở Cối kê là Tuệ Cảo cho rằng Danh Tăng Truyện của Bảo Xương phần nhiều nói quá mức. Nhân soạn ra Cao Tăng Truyện. Bắt đầu từ năm Vĩnh Bình đời Hán đã mở Đức Nghiệp làm mười khoa, lời tựa trong đó nói rằng: Thời tiền cổ các soạn tập đều gọi là Danh Tăng. Song Danh thật ra là Khách. Nếu thật có hạnh mà sáng ngấm thì Cao mà không phải Danh. Còn nếu hợp thời mà ít Đức thì gọi là Danh mà không phải Cao. Danh mà không Cao thì

chép vào phần Kỷ, còn Cao mà không Danh thì nay chép đầy đủ ở phần Lục này. Đòi cho là luận xác thực.

Năm Phổ Thông thứ nhất, Sa-môn Chúng Dường ở Dương Đô dịch kinh Văn-thù, Bát-nhã... mười một bộ, vua đích thân làm bút thọ, mời Bảo Xướng tiếp tục. Vua ở trong cung cấm tại Đàm Trúc Viên thọ Quy Giới, tuyển chọn hiền minh. Vua lâm triều luận nghị, Tuệ Ước Pháp sư tuân chiếu vua ở chùa Thảo đường. Ngày tám tháng tư vua mặc Ca-sa quay mặt về hướng Bắc kính lễ thọ giới Cụ Túc. Khi mới làm phép Yết-ma thì Cam lộ mưa xuống sấm. Có ba con quạ và hai con khổng tước nằm phục trên thêm. Vua ban hiệu cho Sư là Trí Giả. Từ đó Sư vào triều thì bày một giường hẹp còn vua ngồi bên cạnh. Từ Thái tử đến các hàng Công Khanh Tăng Tục đều thọ giới với ngài Tuệ Ước và được ghi vào sổ bốn vạn tám ngàn người. Sa-môn Kỳ Ngãi cũng thọ giới lại với ngài. Chỉ Sư Pháp Vân riêng bảo: Tôi đã thọ giới rồi. Đó có thể lấy pháp mà làm việc người ư? Lời bàn này khá cao.

Năm Phổ Thông thứ hai, vua mời Pháp sư Vân Quang vào nội điện giảng kinh Pháp Hoa thì trời mưa hoa báu.

Năm Phổ Thông thứ ba, vua ban chiếu sửa lại chùa A-dục Vương ở Mậu Huyện.

Năm Phổ Thông thứ sáu, vua mời Sư Pháp Vân ở chùa Quang Trạch làm Đại Tăng Chánh. Quan cấp cho người giúp việc (chức Tăng Chánh đầu tiên có từ thời Dao Tần, nay thêm chữ Đại).

Năm Đại Thông thứ nhất (tức năm Võ Thái thứ nhất, đời vua Hiếu Minh, nhà Bắc Ngụy. Xưa gọi năm Phổ Thông là lầm). Ngài Bồ-đề Đạt-ma ở Nam Thiên Trúc ngồi thuyền buồm đến Quảng châu. Vua mời vào triều kiến và hỏi rằng: Như thế nào là Thánh đế đệ nhất nghĩa? (Viên Ngộ Bích Nham Tập nói rằng: Võ Đế cùng Lữ Ước Pháp sư và Chiêu Minh Thái tử trì luận Nhị Đế. Lập Chân Đế để nói không phải có và Tục Đế để nói không phải không. Chân tục không hai là Thánh đế đệ nhất nghĩa). Sư nói: “Rỗng Không Không Thánh” (Viên Ngộ nói: Đạt-ma cùng vua một dao cắt đứt). Vua hỏi: Người đối với trẫm là ai? (Viên Ngộ nói: Vua không tỉnh, liền hiểu theo nhân ngã). Sư nói: Không biết (Viên Ngộ nói: Đạt-ma giết chết Từ bi). Vua không hiểu (Viên Ngộ nói rằng vua không biết chỗ rơi). Sư bèn vượt sông vào đất Ngụy (Viên Ngộ nói người sau truyền là bề càn trúc sang sông. Chưa rõ trích từ đâu).

Vua ngồi xe đến chùa Đồng Thái để xả thân. Quân thần góp một ức vạn đồng tiền để xin chuộc. Vua bèn trở về cung.

Năm Đại Thông thứ hai, nước Bàn Bàn dâng răng Phật.

Năm Trung Đại Thông thứ nhất, kinh thành có nạn dịch lớn. Vua ở điện Trùng Vân vì bá tánh thiết trai lễ cứu khổ, lấy thân mình để cầu nguyện. Vua lại đến chùa Đồng Thái, lập đại hội Tứ bộ vô già. Đắp pháp y hành thanh tịnh đại thí, ngũ giường trơn ăn bát sành, đi xe nhỏ. Vua đích thân lên tòa, khai giảng đề kinh Niết-bàn cho chúng. Quần thần dâng một ước vạn tiền để được chuộc. Vua thiết đại trai đãi đạo tục năm vạn người.

Năm Trung Đại Thông thứ hai, vua đến chùa Đồng Thái thiết đại trai bình đẳng. Nước Đôn Đôn dâng tặng tượng Phật ngài voi.

Năm Trung Đại Thông thứ ba, tháng mười, vua đến chùa Đồng Thái giảng kinh Niết-bàn, tháng mười một giảng kinh Bát-nhã chữ vàng.

Năm thứ năm, vua đến chùa Đồng Thái khai phát đề kinh Bát-nhã chữ vàng. Từ Thái tử trở xuống người đến nghe kinh có đến ba mươi vạn chín ngàn sáu trăm người. Lại Bộ Thượng Thư về nhà tắm giặt ăn rau dưa, sáng chiều theo Tăng lễ tụng. Vua đãi chay ba tháng, các bổng lộc có được đều sung vào hai chùa ở Tưởng sơn (tức Chung sơn). Khi ông chết thì nhan sắc như còn sống, tay co hai ngón.

Năm thứ sáu, Cư sĩ Phó Hấp ở Ô thương, đến núi Tòng cất am cỏ ở khoảng rừng Song đào, tự đặt hiệu là Song lâm, bảo đời sau sẽ hạ sinh làm Thiện Tuệ Đạo sĩ. Sai đệ tử mang thơ đến Cung khuyết gọi vua là Quốc Chủ Cứu Thế Bồ-tát. Vua ban chiếu đáp rằng: “Đại sĩ vì cứu độ chúng sinh muốn đến đây tùy ý!” Vua ra lệnh khóa cửa thành để xem sự linh dị. Đại sĩ rút trong tay áo cái chày gỗ, giộng một cái các cửa đều mở toang, rồi vào yết kiến vua ở điện Thiện Ngôn, trình lên ba lời khen, không lấy, đến ngồi thẳng lên giường hẹp mà đáp lời vua. Vua đãi cơm chay, ăn xong thì trở ra Chung Sơn ngồi nhập định dưới rừng tòng. Một hôm Đại sĩ khoát nạp y, đầu đội mũ, đi giày cỏ vào yết kiến vua. Vua hỏi: Là Tăng chăng? Ông lấy tay chỉ mũ. Là Đạo sĩ chăng? Ông chỉ giày. Là kẻ tục chăng? Ông chỉ nạp y (Phân Dương Chiêu Đại nói rằng Đại sĩ có nhiều tài.

Ở Diễm Châu có Ni Pháp Tuyên thuộc lâu kinh Pháp Hoa, khi cô ngồi nằm đều thấy có màn lộng che bên trên. Cha mẹ bảo đến chùa Tề Minh xuất gia, ngày ấy không thấy màn lộng nữa. Từ đó Ni Cô rộng xem kinh luận, nghiêm tâm áo nghĩa. Quận Thú Hành Vương Nguyên Giản thỉnh ni cô làm Sư mẫu ở Việt Thành.

Nước Bàn Bàn lại dâng hiến xá-lợi Phật.

Năm Đại Đồng thứ nhất, vua đến chùa Đồng Thái thiết đại hội Vô Già. Ngài Trí Giả Ước Pháp sư viên tịch. Vua bãi triều ba ngày, mặc áo trắng khóc lóc. Người thọ giới với Sư có đến bốn vạn tám ngàn người, đều mặc áo sô khóc lóc tiễn đưa. Tháp Sư ở bên trái tháp ngài Chí Công.

Vua ra lệnh ở Trùng Vân điện nên bày riêng một cái giường hẹp cho ngài Thiện Tuệ Đại sĩ để ngài giảng kinh Tam Tuệ Bát-nhã. Các Công Khanh đều tập họp. Thiên tử đến, chúng đều đứng dậy đón tiếp, chỉ có Đại sĩ ngồi yên. Quan Ngự Sử hỏi nguyên do. Ngài đáp: “Pháp địa nếu động thì tất cả pháp không yên.” Vua cho là phải.

Ấn Sĩ Triệu Bá Hưu ở Lô Sơn gặp Luật Sư Hoàng Độ được Chúng Thánh Điểm Ký, nói rằng: Sau khi Phật diệt độ ngài Ưu-ba-ly kết tập Luật Tạng, ngày Rằm tháng bảy năm ấy khi Tự Tứ xong liền trước Luật Tạng chấm một điểm, mỗi năm đều như thế cả. Từ sau ngài Ba-ly trở đi các Tổ đều nối nhau. Đến ngài Tăng-già Bạt-đà-la đem Luật Tạng đến Quảng châu. Lúc đó, vào đời Tề, ngày Rằm tháng bảy năm Canh Ngọ Vĩnh Minh thứ bảy, sau lễ Tự Tứ xong liền chấm một điểm. Đến năm đó có được tất cả là chín trăm bảy mươi lăm điểm. Bá Hưu hỏi ngài Hoàng Độ rằng: Vì sao sau năm Vĩnh Minh bảy thì không chấm nữa? Ngài bảo: “Từ trước đều do các Vị đắc đạo chính tay chấm xuống. Còn bọn chúng ta là phàm phu chỉ có thể phụng trì mà thôi!” Bá Hưu suy số điểm đến năm Đại Đồng một thì có một ngàn hai mươi, khớp nhau với Truyện Ký. Còn năm sinh năm diệt của Đức Thế Tôn thì không đồng, ấy là vì Tông truyền thừa có khác.

Năm Đại Đồng thứ hai, vua đến chùa Đồng thái thiết đại hội Vô Ngại. Năm ấy vua tổ chức đến ba đại hội.

Hoa Dương Chân Nhân Đào Hoàng Cảnh Cáo chết, khí thơm cả ngày không tan, được thụy phong là Trinh Bạch Tiên Sinh. Ông có soạn bộ sách “Chân cáo”, có nói: Thanh Hư Bù Chân Nhân có ba mươi bốn đệ tử, trong đó có mười tám người học Phật, ngoài ra học đạo Tiên. Tử Dương Chu Chân Nhân có mười lăm đệ tử thì có bốn người hiểu Phật pháp. Đồng Bá Chân Nhân Vương Tử Kiêu có hai mươi lăm đệ tử thì tám người học Phật pháp.

Cách bờ Đông Cối Kê bảy vạn dặm, các núi ở phía Tây phần nhiều đều thờ Tiên và Phật, có tháp cao một trăm trượng có giát vàng ngọc (tuy là thờ Phật nhưng không có hình dạng Tỳ-kheo).

Bá Khải vì Đào Ấn Cư mà ở phục dịch hơn mười năm. Một buổi sáng có Thanh đồng cỡi bạch hạc từ trời xuống bảo rằng: “Thái Thượng

mời Bá Tiên Sinh.” Ẩn Cư hỏi Bá: Do đạo nào mà được như thế? Ông đáp: “Tu Đạo Mặc Triều đã nhiều năm.” Rồi bay lên trời mà đi, ba ngày sau ông ngằm giáng xuống nhà của Ẩn Cư bảo rằng: “Âm đức của ông đã làm là sửa bản thảo, vì đã dùng ruồi muỗi đĩa vắt làm thuốc hại mạng loài vật, nên sau một kỷ (mười hai năm) ông chết rồi thì chỉ được làm Đô Thủy Giám ở Bồng Lai mà thôi.” Ẩn Cư bèn dùng cây cỏ để thay cho con vật mà làm thuốc. Ông soạn bộ Bản Thảo ba quyển để chuộc lỗi.

Năm Đại Đồng thứ ba, vua ban chiếu sửa tháp Trường Can, đào nền đất lên thì được hòm đá, bên trong có bình lưu ly đựng đầy xá-lợi, móng tay và tóc của Phật. Vua bảo chia để vào hai tháp, cả hai cùng phóng ánh sáng.

Vua đến chùa Đồng Thái đúc tượng mười phương Phật bằng vàng và đồng. Lại đến chùa A-dục vương (ở nội thành Kiến Khang) tổ chức lễ Pháp Thực Vô Ngại và đại xá thiên hạ.

Chiêu Minh Thái tử chết. Thái tử bản tánh thích đạo Phật. Ở Đông Cung riêng lập điện Tuệ Nghĩa là nơi tập Pháp, mời đón danh Tăng lập nghĩa Tam Đế. Đương thời khen ngợi.

Nhạc Dương Vương Tiêu Sát (là con của Chiêu Minh) trấn giữ Việt Châu, đem gỗ gạch trùng tu hai tháp. Trước đó tháp này do Sa-môn Đàm Ngạn và Hữu Tuân tạo ra, chưa xong thì Tuân chết. Đến năm ấy thì Ngạn được một trăm hai mươi tuổi. Hậu thân của Tuân là Tiêu Sát. Ông dự bảo môn nhân rằng: Hứa Huyền Độ sẽ đến (Tuân tự là Huyền Độ). Trước đó Sát nghe theo sự chỉ dẫn riêng của Chí Công nên vừa đến trấn nhậm ở Châu liền tới chùa hỏi tháp. Ngạn ra cửa mời vào bảo: Hứa Huyền Độ đã đến chớ ai? Tháp ngày xưa nay vẫn như cũ. Liền dùng sức Tam-muội gia bị, Sát liền biết tiền thân và việc tạo tháp (nay là Tháp Ứng Thiên ở Việt Thành).

Năm Đại Đồng thứ tư, vua đến chùa Đồng Thái thiết lễ trai Vu Lan Bồn (tiếng Phạm là Vu-lan-bồn, Hán dịch là Giải Đảo Huyền (mở treo ngược), Mục-liên Tôn giả bày bồn cúng này mà cứu mẹ thoát khỏi khổ nạn quỷ).

Thông Sự Xá Nhân là Lưu Hiệp, văn nhã nên được Thái tử trọng. Phàm các bia ký ở chùa tháp đều do ông làm cả (Bia Thạch Tượng ở Thạch Thành nay còn thấy). Năm ấy ông dâng biểu xin xuất gia. Vua ban tên là Tuệ Địa.

Năm Đại Đồng thứ năm, vua ra sắc mời Sa-môn Bảo Vân đến nước Phù Nam rước tóc Phật.

Năm Đại Đồng thứ sáu, vua ban chiếu Quan Thú Việt Châu là Tiêu Sát trùng tu chùa A-dục vương.

Vua nước Phù Nam sai sứ đến Triều Cống thỉnh tượng Phật Thích-ca và kinh luận. Vua sắc ban cho Chế Chỉ, Niết-bàn, Bát-nhã, Kim Quang Minh Giảng Sở... một trăm lẻ ba quyển.

Bắc Tề Tuệ Văn Thiên sư ở Hà Nam nói Tam Quán Khẩu Quyết cho Tư Thiên Sư.

Năm Đại Đồng thứ bảy, nước Bách Tế sai sứ đến triều cống và thỉnh kinh luận. Vua sắc ban cho Niết-bàn Sở.

Năm Đại Đồng thứ mười, nước Vu-điền sai sứ hiến tặng tượng Phật bằng ngọc.

Năm Trung Đạo Đồng thứ nhất, vua đến chùa Đồng Thái giảng kinh Tam Tuệ Bát-nhã chữ vàng, hành Thanh Tịnh Đại Xá, Hoàng Thái tử và quần thần dâng một ức vạn tiền để chuộc vua về cung. Đêm ấy Chùa và Tháp bị nạn. Vua nói: Đây là do ma gây ra. Bèn ban chiếu rằng: Đạo cao thì ma thạnh, làm thiện thì chướng sinh. Bèn xây tháp mười hai tầng.

Năm Thái Thanh thứ nhất, vua đến chùa Đồng Thái thiết đại hội Vô Già hành Thanh Tịnh Đại Xá, lên điện Diệu Nghiêm giảng kinh Tam Tuệ Bát-nhã chữ vàng. Quần thần dâng một ức vạn tiền để chuộc vua về cung.

Ngài Tam tạng nước Tây Thiên Trúc là Chân Đế đến, vua mời ở điện Bảo Vân dịch kinh Kim Quang Minh... mười bộ.

Lúc đó phần đông các Thích tử đều phóng túng, Tăng Chủ không thể chế phục được. Vua muốn dùng Luật để chấn chỉnh chư Tăng. Vua ban chiếu. Pháp sư Tạng không chấp nhận. Vua không ép được. Tạng bảo chúng rằng: “Y mỗ con em mười nhóm há có thể đều vừa ý cha. Nay tập họp chúng năm phương mà muốn lấy một mình để làm kỷ cương được chăng?” Vua tự thọ giới Cụ túc, chỗ nghỉ ngơi đồng như chỗ của Sa-môn. Tuy trong cung cấm Tăng vẫn mặc tình du lãm. Một hôm Tạng Pháp sư một mình lên ngôi Ngự tòa. Người chung quanh trách cứ. Tạng nói: “Bần đạo là hậu duệ của Định Quang Kim Luân. Đâu có hổ thẹn ở tòa này, nếu như bị giết thì lo gì không chỗ thọ sinh”. Vua ra lệnh không hỏi tội Sư.

Năm Thái Thanh thứ hai, Hầu Cảnh làm phản ở Thọ Dương. Xưa Cảnh ở tại Đông Ngụy vì phản Hà Nam mà trở về Tây Ngụy, rồi sai sứ đến Lương xin làm Nội phụ. Vua thu nạp và phong làm Hà Nam Vương.

Năm Thái Thanh thứ ba, Hầu Cảnh đến Kiến Khang vây hãm đài thành vào gặp vua ở điện Thái cực, có năm trăm giáp sĩ để tự vệ, mang kiếm lên điện vua, lễ xong. Vua vẫn thần sắc tự nhiên, hỏi rằng: Khanh lâu ngày lo việc quân mà không nhọc mệt ư? Rồi sai người dẫn đến ghế ngồi của hàng Tam Công. Cảnh hoảng sợ không đối đáp được. Ra ngoài Cảnh bảo tả hữu rằng: “Ta ngồi ngựa lâm trận giao chiến dưới tên đạn chưa từng sợ hãi. Nay thấy Tiêu Công đối xử người mà lo sợ không thôi!” Cảnh đã tự xưng Thừa Tướng. Vua lo giận lâm bệnh nhưng trai giới vẫn không giảm. Miệng đắng đòi mật chưa kịp bưng đến, vua quơ tay la lớn: Ác, ác lắm! Rồi tắt thở. Vua mặt rồng oai vệ, lưỡi có chữ Bát, cổ có phù quang, giữa trưa không bóng, tay phải có nét nhả thành chữ Võ. Buổi vắng niên thờ đạo Phật, ngày chỉ ăn một buổi, toàn cơm lứt canh đậu, áo vải màu đen, một mào đội ba năm, năm mươi tuổi đã dứt việc phòng thất, không uống rượu nghe nhạc. Vua có soạn nghĩa ký các kinh Niết-bàn, Đại Phẩm Bát-nhã, Tịnh Danh, Tam Tuệ... khoảng mấy trăm quyển.

Cư Sĩ Lục Pháp Hòa ở Giang Lăng ở ẩn thờ Phật. Kịp khi Hầu Cảnh điều binh khiển tướng đánh Tương Đông Vương ở Giang Lăng, thì Pháp Hòa cùng tám trăm đệ tử cầu thần linh điều âm binh đánh bại Cảnh. Lại ở Giang Hạ tụ họp binh mã định trừng phạt Hầu Cảnh, Vương lo Hòa làm loạn bèn ngăn lại. Hòa thưa: “Bần Đạo cầu Phật còn không mong chỗ ngồi của Phạm Thích, huống là ngôi vị Vương Giả loài người, chỉ vì thấy Không Vương cùng Phật có duyên hương lửa. Nay biết rõ báo đời trước của Vương mà muốn cứu đó thôi!” Bị nghi ngờ nên biết định nghiệp không thể dời đổi được. Khi Nguyên Đế đã lên ngôi (tức Tương Đông Vương) cho ông làm Thứ Sử Trịnh Châu. Khi vua bị Ngụy bắt thì Hòa cùng đám đệ tử vào đất Tề (Lương Thụ).

Đời Giản Văn Đế (tên Cương, con thứ ba của Võ Đế)

Năm Đại Bảo thứ nhất, ngày tám tháng tư, vua ban chiếu độ người xuất gia đích thân viết Nguyên Văn rằng: “Đệ tử là Tiêu Cương dùng Công đức lập Đàn trai độ người này để khắp độ bốn loài ở sáu nẻo lìa bỏ ái dục dứt hẳn vô minh, tu tập Bát-nhã làm chân Phật tử.”

Năm Đại Bảo thứ hai, Hầu Cảnh phế bỏ U Vương ở Vĩnh Phước, tỉnh dâng đất Nang. Khi xưa Võ Đế cách mạng, Trương Tề giết Đông Hôn Hầu dâng thủ cấp lên vua để diệt hết dòng dõi. Mấy năm sau thì Giản Văn sinh ra. Chí Công bảo vua rằng: Đức bé này sinh cùng lúc với kẻ thù, bởi Hầu Cảnh sinh cùng năm ấy ở Nhạn Môn. Khi Cảnh chiếm

Kiến Khang thì vua băng. Giản Văn lên nối ngôi thì gặp họa. Con em nhà Lương bị giết rất nhiều. Cho nên đời gọi Hầu Cảnh là hậu thân của Đông Hôn Hầu.

Bắc Tề Tuệ Văn Thiên sư nhân xem Đại Luận đến phẩm Tứ Đế có kệ rằng:

*Pháp do Nhân duyên sinh
Ta nói tức là không
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa Trung đạo.*

Thì chợt sáng suốt đại ngộ. Bèn xa nối ngài Long Thọ, căn cứ vào Luận mà lập Quán và truyền trao cho Tuệ Tư Thiên Sư.

Đời Nguyên Đế (tên Dịch, con thứ bảy của Võ Đế)

Năm Thừa Thánh thứ nhất, ngài Tam tạng Chân Đế vì loạn Hầu Cảnh mà ngôi thuyền buồm về Tây Trúc. Bị gió bão phải trở lại Quảng châu, ở chùa Chế Chỉ dịch Khởi Tín Luận và Câu Xá Luận. Đến đời Trần có tất cả được năm mươi bộ.

Vua có soạn bộ sách Kim Lâu Tử, nói rằng: Ta ở trong Tăng kính trọng Chiêu Đề Diễm Pháp sư, Ấn Sĩ Trùng Hoa, Dương Đào Chân Bạch (Hoằng Cảnh thụ phong là Trinh Bạch Tiên Sinh), Sĩ Đại Phu Trùng Nhữ, Nam Chu Hoằng Chánh (danh hiệu đời Bắc Chu).

Diễm Pháp sư ở chùa Chiêu đề, lúc thiếu thời thầy Tướng nói rằng: Cậu bé này thông minh nhưng không thọ lắm. Sư liền phát nguyện vào núi tụng kinh Bát-nhã. Lâu lắm, thấy Tăng Trưởng Trương Dư bảo rằng: “Kinh này công đức khó nghĩ bàn.” Sau hai mươi năm bỗng gặp lại thầy tướng số trước kia, ông kinh ngạc hỏi: Uống diệu dược nào mà sống lâu thế? Diễm đáp: Chỉ là trì kinh mà thôi!

Lưu Kính Cung làm loạn, đốt Huyện Vọng Thái. Huyện lệnh ở nhờ chùa gần. Dân đem rượu và trâu đến lễ. Huyện lệnh cho cột trâu vào cọc. Che kín hết tượng Phật, tiếp tân khách ngay trên chùa. Bỗng trâu sống dây đến lay tạ dưới thêm. Quan lệnh cười to bảo kẻ tả hữu đem làm thịt. Ăn uống no say nằm ngủ trên chùa bỗng khắp thân thể ngứa rần đau đớn, cào gãi thành những vảy trắng, cuối năm thì chết (Nhan Thị Gia Huấn).

Đời Kính Đế (tên Phương Trí, con thứ chín của Nguyên Đế)

Năm Thiệu Thái thứ nhất, vua Bắc Tề Văn Tuyên phá bỏ Đạo Giáo (nói đầy đủ trong Tề Chí). Bỏ Khuyết Tông Đãi nhờ học hạnh mà

đời biết tiếng. Nhà Lương mất, ông bỏ quan đi xuất gia hiệu là vô danh. Nhà Bắc Chu cho ông ra làm quan to. Vô Danh tự trình bày việc hoàn tục có năm điều không thể được. Buổi vãng niên, ông làm bài minh Tứ Tâm, hối tiếc thuở nhỏ cố ý theo nghiệp văn chương (Huỳnh Lô Trực viết bài minh này cho Sa-môn Trí Hải. Rồi khắc đá để ở Tòng Lâm để răn kẻ tạp học).

Ở Giang lăng, chùa Thiên Hoàng có nhà bằng gỗ Bá do Minh Đế tạo ra. Trương Tăng Diêu họa hình Đức Lô-xá-na và Khổng Tử cùng mười triết gia. Vua hỏi: Chùa Phật sao lại vẽ tượng Thánh Khổng! Tăng Diêu thưa: “Sau sẽ nhờ thứ này.” Đến khi nhà Hậu Chu diệt Phật pháp đốt chùa Tháp trong thiên hạ. Riêng điện này có tượng Tuyên Ni (Khổng Tử), bèn không phá hủy (Danh Họa Ký).

VI. NHÀ TRẦN (đóng đô ở Kiến Khang)

Đời Trần Võ Đế (tên Trần Bá Tiên được nhà Lương nhường ngôi)

Năm Vĩnh Định thứ nhất, vua ban chiếu rước rặng Phật ở nhà Bà họ Đỗ, thiết lễ đại hội bốn Bộ Vô Già (Tỳ-kheo... bốn chúng là bốn bộ).

Năm Vĩnh Định thứ hai, tháng năm đến chùa Đại Trang Nghiêm xả thân. Sáng hôm sau quần thần dâng biểu thỉnh vua về cung. Tháng mười một, vua lại đến chùa Trang Nghiêm khai phát Đê Kinh Kim Quang Minh. Tháng mười hai, vua lại đến chùa Trang nghiêm thiết đại hội Vô Ngại và hành thanh tịnh đại xả. Sáng hôm sau quần thần dâng biểu thỉnh vua về cung.

Ở Kim lăng, bảy trăm chùa bị Hậu Cảnh đốt sạch gần hết, từ khi vua lên ngôi đều cho trùng tu lại, dịch kinh giảng đạo không kém triều trước.

Năm Vĩnh Định thứ ba, vua sắc chỉ ở đại hội thiết lập Nhân Vương Đại Trai Đàn, ban chiếu mời Sa-môn Bảo Quỳnh ở điện Trùng vân giảng kinh Đại Phẩm Bát-nhã. Lúc đó quần thần xin lấy màn báu, chuỗi ngọc trên tượng Phật ở điện Trùng vân để trang trí xe. Bỗng thấy khí mây che phủ điện, sấm chớp tóe lửa phút chốc cháy tan. Hơn tháng sau, có người từ Đông Châu đến báo: Chính ngày ấy thấy điện nổi phình bay trên biển mà đi.

Ở Cao Bưu có Ni Cô tụng kinh Diệu Pháp Hoa không kể ngày đêm, thì mười móng ở hai bàn tay đều mọc hoa. Vua mời vào nội điện, thấy hoa vua mừng rỡ kính trọng. Đời gọi là Ni Sư tay hoa.

Đời Văn Đế (con của Thủy Hưng Vương là anh của Cao Tổ).

Năm Thiên Gia thứ nhất, vua ban sắc mời Bảo Quỳnh làm Kinh Ấp Đại Tăng Thống. Từ thời Lương Ngụy đến nay thì Tăng Thống có trang bị thêm một cây gậy như ở Quan phủ. Đến ngài Bảo Quỳnh thì râu xin bỏ đi. Mỗi khi ra ngoài chỉ dùng vài gậy nón Đầu-đà mà thôi. Mười hai nước ở Đông hải nghe Quỳnh có đạo đức, bèn sai sứ dâng vàng lụa và xin vẽ hình ngài đem về.

Tư Thiên sư ở núi Đại tô tại Quảng châu vì Khải Thiên sư mà nói An Lạc Hạnh và chỉ bày Phổ Hiền đạo tràng.

Năm Thiên Gia thứ hai, Thiện Tuệ Đại sĩ ở trong núi hành đạo, thường thấy bảy Phật ở trước, ngài Duy-ma đứng sau, chỉ có Đức Thích-ca thường cùng chuyện trò với Đại sĩ.

Năm Thiên Gia thứ tư, vua ở Thái Cực điện lập Vô Ngại đại hội và tu phép xả thân. Lại tập hội Tăng tu Phương Đăng Đà-la-ni Pháp, Pháp Hoa Sám, Kim Quang Minh Sám, đều do vua viết riêng lời nguyện tự xưng là Bồ-tát Giới Đệ Tử Hoàng Đế.

Năm Thiên Gia thứ sáu, con vua nước Tây Trúc là Nguyệt Bà Thủ Na, đến du ngoạn ở Lô Sơn, dịch kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã.

Đời Phế Đế (tên Bá Tông, con lớn của Văn Đế)

Năm Quang Đại thứ nhất, Tư Thiên sư vào ở núi Nam nhạc. Năm đó Sư truyền giới cho Nhạc Quân (thấy rõ trong Nam nhạc Bản Kỷ).

Đời Tuyên Đế (tên Húc, con thứ hai của Thủy An Vương).

Năm Đại Kiến thứ nhất, tháng tư, Đại sĩ Thiện Tuệ thị tịch. bảy ngày Huyện Lệnh Trần Chung Kỳ đến kính lễ, truyền hương lần lượt theo thứ tự nhưng sau cũng trở lại tay ông nhận hương. Cả chúng đều kinh dị. Vua ban sắc sai Từ Lăng soạn bia trong núi.

Lương Chử bảo: Truyền Đăng nói rằng: Võ Đế thỉnh Đại sĩ giảng Kim Cang Bát-nhã, cầm bảng gỗ nhọ mà xưng tụng bốn mươi chín Tụng Quán. Ngài Trúc Am nói: Phần nhiều đều dùng nghĩa ba Tánh mà nói (Không, giả, trung) e là người theo Pháp Tướng Tông ở phương Bắc thác lời Đại sĩ. Có người nói chỉ lấy bảng gỗ nhọ xô ghế mà đi. Chí Công nói: Đại sĩ giảng kinh xong rồi Đại sĩ vào triều. Chí Công đã tịch hai mươi năm rồi do đâu lại có câu hỏi đáp đó. Lâu Dĩnh biên tập Ngôn Hạnh của Đại sĩ rất rõ cũng không ghi việc này.

Khải Thiên sư ở chùa Ngõa Quan vì Nghi Đồng Trâm Quân Lý... giảng kinh Pháp Hoa. Sau Sư thường cùng chúng giảng Trí Độ Luận,

nói Thứ Đệ Thiên Môn. Tư Thiên sư ở Nam nhạc, Cửu Tiên Quán Đạo sĩ Âu Dương Chánh ngụ tấu với vua là Sư đã mê hoặc hại vua (Hán Giang tâu thêm Lệ Thái tử bị lừa dối mê hoặc). Vua sai sứ mời Sư đến thì thấy Sư từ trên không trung xuống, vua kinh ngạc về sự thần biến nên không hỏi lời nào. Vì Đạo sĩ vu cáo nên bị tội phải giết tại chợ. Sư xin thay hình phạt đó bằng việc cho phục dịch chúng Tăng. Vua sắc lệnh cho Hữu Ty đúc mười bốn thẻ sắt khắc mười bốn họ tên trên đó. Khiến theo Sư về núi phụ trách việc giả gạo. Lâu sau bèn xin đem ruộng đất sung vào hương tích mà chuộc thân già, nhân đó gọi là Lưu Điền Trang. Bấy giờ giấu các thẻ mà khắc đá ghi nhớ. Ghi rằng: Trần Triều, Hoàng Đế, cho Nam nhạc Tư Đại Thiên Sư, hàng phục Đạo sĩ và khắc ghi trên thẻ sắt (thấy rõ trong Nam Nhạc Bản Ký).

Năm Đại Kiến thứ tư, vua ban sắc mời Sa-môn Tuệ Hoàn ở vườn Lạc Du vì bầy miếu mà giảng Đại Phẩm Bát-nhã. Sứ nước Tề là Thôi Võ Tử đến Triều. Vua mời Sa-môn Hồng Yển tài đức kiêm ưu cùng làm bạn ở quán khách. Võ Tử mỗi khi nói chuyện đều rất thán phục. Triều đình bàn cử Yển làm quan, Sư tuyệt thực tự thề không chịu. Vua bèn thôi.

Năm Đại Kiến thứ năm, Huyền Quang Sa-môn ở Đông hải (Nhật Bản) đã thọ nhận nghĩa Pháp Hoa phẩm, An Lạc Hạnh với Nam Nhạc Thiên Sư, rồi trở về nước diễn giảng kinh giáo. Đây là lần truyền giáo đầu tiên cho các nước ở Đông hải.

Năm Đại Kiến thứ sáu, vua Võ Đế nhà Chu dẹp bỏ hai đạo Phật và Lão. Sa-môn Tĩnh Tung Linh Khản ba trăm người đều dẫn nhau về với Nam Triều. Vua bảo Phò mã Thái Ngưng tuyên đọc sắc rằng: Các Pháp sư khéo nói trị loạn, về ở nhờ phải có thứ tự, an cư tại chùa lớn trong Thành Đô, Ty Sở sẽ cung cấp.

Sa-môn Trí Chu, mười một người đến Tây Thiên cầu kinh.

Năm Đại Kiến thứ bảy, Khải Thiên sư vào Phật Lũng ở Thiên thai.

Năm Đại Kiến thứ chín, tháng hai, vua ban chiếu rằng: Khải Thiên sư Phật pháp rất siêu tuyệt, là bậc tài giỏi của Tông ta hiện thời, dạy cả đạo tục, là kỳ vọng của cả nước. Vậy nên cắt huyện Thủy phong mà cấp cho để nuôi chúng Tăng.

Việc vận chuyển cho chiến trận ở sông Hoài, sông Phì không thông suốt. Vua ra lệnh các Tăng lữ sở tại phải đảm nhiệm việc vận chuyển. Luật Sư Trí Văn dâng thư lên vua rằng: Người quân tử vì nước tắt dùng lễ nghĩa. Thật ra chúa thượng biết rõ lỗi dẹp Đạo của Vũ Văn

(nhà Chu), đầu lại lấy hàng phước điền cao quý để làm các việc thấp hèn. Nếu không đình chỉ kẻ địch sẽ khinh nhờn mà e quốc gia phải chịu tai ương.”.. Vua rất hối tiếc, bèn lập tức cho dừng. Cùng lúc phạt nặng những kẻ chủ mưu làm việc trên.

Ngày hai mươi hai tháng sáu, Sư Nam nhạc Đại Thiên sư niệm Phật ngôi mà hóa.

Năm Đại Kiến thứ mười, Quan Tả Bộc Xạ Từ Lăng vì Khải Thiên sư mà lập chùa, xin vua ban hiệu là Tu Thiên (nay là chùa Đại Từ). Sư vì anh mình là Trần Châm soạn ra Tiểu Chỉ Quán. Châm nhận học và tu tập. Khi xưa Tiên nhân Trương Quả xem tướng ông bảo rằng: “Ông sẽ chết vào tháng cuối năm.” Sư bảo ông tu ngay Sám Phương Đẳng. Châm thấy ở cửa Thiên Đường có bảng đề: Nhà của Trần Châm. Sau Trương Quả gặp Châm kinh ngạc hỏi: Ông uống thần dược nào vậy? Châm đáp: Tôi chỉ tu sám mà thôi! Quả nói: Nếu không nhờ đạo lực đâu có thể thoát chết được? Sau ông sống thêm mười lăm năm nữa mới qua đời.

Năm thứ mười hai, Chu Tuyên Đế cho phục hưng lại hai đạo Phật và Lão.

Năm thứ mười ba, vua ban chiếu rằng: Trong nước, người mới tho giới phải học Luật năm Hạ. Lại mời Luật Sư Đàm Viện làm Tổng Giám Kiểm, Hữu Ty cung cấp cho y thực, không cho kinh doanh để khỏi sút kém công phu. Chẳng đầy mấy năm đạo pháp hưng thịnh. Vua bèn cử Viện làm Tăng Chánh cho cả nước.

Năm thứ mười bốn, Hoàng Thái tử lên ngôi, vua thiết đại hội Vô Già ở Thái cực điện, hành xã thân và đại xá.

Đời Trần Hậu Chủ (tên Thúc Bảo, con cả Tuyên Đế).

Năm Chí Đức thứ nhất, vua sắc chỉ mời Tuệ Hoàn làm Đại Tăng Chánh ở Kinh Ấp. Vĩnh Dương Vương Bá Trí ra trấn nhậm Đông dương (là con thứ tám của Văn Đế) thỉnh Khải Thiên sư đến Trấn khai giảng kinh. Vương cùng con là Trạ và gia nhân đồng thọ giới Bồ-tát.

Năm Chí Đức thứ hai, vua ban chiếu mời Pháp sư Trí Tụ ở Hồ Khâu đến điện Thái Cực giảng kinh Quang Minh.

Năm Chí Đức thứ ba, vua ban chiếu mời Khải Thiên sư vào kinh ở chùa Linh Diệu. Tháng tư, Sư đến điện Thái cực giảng Đề Luận Đại Trí Độ và Đề Kinh Bát-nhã. Lâu sau Sư dời về ở chùa Quang Trạch. Vua đến chùa nghe Sư giảng kinh Nhân Vương, đích thân lễ ba lạy.

Triều đình luận rằng, phần đông hay Tăng Ni đều không chuyên

tu, nên khảo hạch kinh sách, ai không thông bắt hoàn tục. Khải Thiên sư can vua rằng: “Điều-đạt ngày tụng vạn lời mà chưa thoát được địa ngục, Bàn Đặc chỉ nhớ có một câu kệ mà chứng được Bốn quả (hai việc đều thấy trong Thiên thai Bản Kỷ Chú) “Dốc một lòng luận vì Đạo đâu quan hệ chi tới việc tụng nhiều.” Vua rất hài lòng, rồi cho ngưng thi hành việc trên.

Năm Chí Đức thứ tư, tháng giêng, vua mời Khải Thiên sư đến điện Sùng Chính truyền giới Bồ-tát cho Hoàng Thái tử và đãi tiệc trai một ngàn Tăng.

Năm Trinh Minh thứ nhất, Khải Thiên sư ở chùa Quang Trạch giảng kinh Pháp Hoa. Lúc đó có ngài Chương An dự nghe.

Đô Quan Thượng Thư Từ Hiếu Khắc có tánh ưa bố thí nên phải nghèo đói. Trần Hậu Chủ ban sắc lấy thuế ở bến Thạch Đầu mà cấp cho. Nhưng Hiếu Khắc đều lấy đem thiết trai và viết Kinh. Xưa lúc ở Tiền Đường, ông thường cùng Chư Tăng thảo luận sách Phật, bèn thông tam luận. Sáng giảng kinh Pháp Hoa, chiều giảng Lễ Truyện, người theo học thường đến mấy trăm. Ông ăn trường trai, thọ giới Bồ-tát. Khi nhà Trần mất, ông vào Trường An. Lúc đó có bệnh dịch. Tùy Văn Đế nghe tiếng về đức hạnh ông bèn mời giảng kinh Kim Cang, Bát-nhã. Trên dưới đều kính khen. Khi lâm chung thì ông ngồi thẳng niệm Phật. Diêu Sát đọc hết Kinh Tạng, một hôm ngồi quay mặt về hướng

Tây Chánh niệm rằng “Tất cả đều trống vắng.” Khi nhà Trần mất thì ông vào Tùy và qua đời ở Đông đô. Khi đó thân xác ông mềm mại, nhan sắc tươi tắn như còn sống. Ông dặn dò đóng quan tài bằng vàng ròng mỏng mà chôn.